TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa - tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 802/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thủy T** – Sinh năm: 1993.
Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã H, tỉnh H. Có mặt.
- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc V** − Sinh năm: 1984.
Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã H, tỉnh H. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng thường có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do tình cảm không còn nên Bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc V có 01 con chung là Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 10/9/2011. Ly hôn Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Ngọc V để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông Vinh không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 35, Điều 48, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc V là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thủy T và ông Nguyễn Ngọc V tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã H, tỉnh H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 02/8/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà bà T và ông V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng càng về sau thì thường phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng do vậy mà ngày càng nhạt dần. Nay bà T không còn tình cảm với ông V nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V. Ông V đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để Tòa lấy lời khai, hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông V cố tình vắng mặt. Như vậy, ông V đã từ bỏ quyền lợi của mình, không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà T. Xét thấy, bà T đã không còn tình cảm với ông V, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Thủy T là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 10/9/2011. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tuấn T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để thực

hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung. Xét thấy bà T đủ điều kiện nuôi con và cháu T hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 10/9/2011 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi cho cháu.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thủy T. Bà Nguyễn Thị Thủy T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn T - Sinh ngày 10/9/2011 cho bà Nguyễn Thị Thủy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thủy T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005391 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị Thủy T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Quang;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Nguyệt

.